

## **Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 37

# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Hùng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 61354721/19488753/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>364.312.681.509</b>	<b>319.949.134.786</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>150.014.207.098</b>	<b>127.817.498.015</b>
111	1. Tiền		127.707.470.428	97.817.498.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.306.736.670	30.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>193.518.519.574</b>	<b>178.851.755.853</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	189.771.181.369	179.004.731.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.069.569.983	6.472.873.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.677.768.222	1.808.855.010
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(8.434.703.966)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>5.963.997.924</b>	<b>5.599.217.570</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.963.997.924	5.599.217.570
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.815.956.913</b>	<b>7.680.663.348</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	311.527.603	300.975.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.230.535.592	7.379.648.710
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	273.893.718	39.446
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>302.540.022.354</b>	<b>220.276.898.175</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	-	20.600.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(20.600.000.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>297.913.994.735</b>	<b>218.355.624.676</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	297.913.994.735	218.355.624.676
222	Nguyên giá		483.118.198.505	375.792.538.694
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(185.204.203.770)	(157.436.914.018)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.235.144.656</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.235.144.656	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.390.882.963</b>	<b>1.921.273.499</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	659.562.525	731.488.165
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.3	731.320.438	1.189.785.334
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>666.852.703.863</b>	<b>540.226.032.961</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>262.334.357.735</b>	<b>188.131.544.311</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>253.217.111.735</b>	<b>179.761.790.011</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	52.005.141.940	51.985.724.024
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		195.646.592	199.961.608
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	16.011.660.613	11.290.421.854
314	4. Phải trả người lao động		93.151.157.284	107.692.376.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	8.126.788.885	1.857.654.306
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	73.522.873.798	2.514.496.097
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.203.842.623	4.221.155.618
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.117.246.000</b>	<b>8.369.754.300</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	9.117.246.000	8.369.754.300
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>14</b>	<b>404.518.346.128</b>	<b>352.094.488.651</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>404.518.346.128</b>	<b>352.094.488.651</b>
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(362.800.000)	(133.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.144.670.223	7.139.777.265
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.523.448.981	138.484.031.386
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.853.938.780	204.132.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		112.669.510.201	138.279.898.631
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		29.609.346.924	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>666.852.703.863</b>	<b>540.226.032.961</b>

Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập

Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.1	540.306.506.705	381.989.012.340
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		340.653.351.403	252.863.099.941
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		199.653.155.302	129.125.912.399
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	1.665.721.579	1.477.054.893
22	5. Chi phí tài chính	16	911.086.131	987.387.840
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	40.606.512.421	24.660.083.710
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		159.801.278.329	104.955.495.743
31	8. Thu nhập khác	18	164.367.413	81.915.731
32	9. Chi phí khác	18	1.015.156	88.526.060
40	10. Lợi nhuận (lỗ) khác	18	163.352.257	(6.610.329)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		159.964.630.586	104.948.885.414
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.2	31.615.320.568	21.030.669.058
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.3	458.464.896	49.285.991
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		127.890.845.122	83.868.930.365
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		113.471.498.198	83.868.930.365
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	14.5	14.419.346.924	-
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	14.6	4.698	3.357
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	14.6	4.698	3.357

  
Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập

  
Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>159.964.630.586</b>	<b>104.948.885.414</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	27.767.289.752	16.171.852.600
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(234.660.228)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(113.524.143)	192.369.353
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(536.163.820)	(576.699.571)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>187.082.232.375</b>	<b>120.501.747.568</b>
09	Giảm các khoản phải thu		(21.770.707.070)	(25.688.942.461)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(364.780.354)	992.273.689
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(21.036.839.942)	31.610.783.462
12	Giảm chi phí trả trước		61.373.229	374.487.230
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.178.240.441)	(16.098.420.867)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.609.841.800)	(5.837.605.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>117.183.195.997</b>	<b>105.854.323.621</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(110.560.804.467)	(84.269.016.898)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(20.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		-	10.000.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		536.163.820	697.032.888
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(110.024.640.647)</b>	<b>(93.571.984.010)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp		15.190.000.000	
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(229.800.000)	(105.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>14.960.200.000</b>	<b>(105.000.000)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		22.118.755.350	12.177.339.611
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		127.817.498.015	78.370.065.494
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.953.733	(76.809.237)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	150.014.207.098	90.470.595.868



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.592 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.289).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có hai (2) chi nhánh và một công ty con, như sau:

**Chi nhánh**

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 ngày 27 tháng 4 năm 2015. Chi nhánh tọa lạc tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Chi nhánh tọa lạc tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11 tháng 4 năm 2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (“SAGS-CXR”). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2016, thông qua quyết định góp vốn thành lập SAGS-CXR.

Ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo các Nghị định nêu trên. Đồng thời, Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ, thủ tục để ngưng hoạt động Chi nhánh Cam Ranh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

***Công ty con***

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tọa lạc tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Thông tin so sánh**

Công ty có công ty con vào ngày 1 tháng 1 năm 2017, do đó việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Số liệu bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và thuyết minh kèm theo được trình bày theo số liệu báo cáo tổng hợp của Công ty, không nhằm mục đích so sánh.

**2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt các phương tiện vận tải của Công ty mà việc lắp đặt này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh) ; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, F,C, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý. Hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Công ty áp dụng thuế suất TGTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, cụ thể Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%, doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Cam Ranh và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở từng Chi nhánh và công ty con.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Cam Ranh (đơn vị hạch toán độc lập của Công ty) và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được nộp tại Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### 3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	579.291.296	17.827.430
Tiền gửi ngân hàng	127.128.179.132	97.799.670.585
Các khoản tương đương tiền (*)	22.306.736.670	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>150.014.207.098</u></b>	<b><u>127.817.498.015</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5.5%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 21)	39.637.430	-
Phải thu ngắn hạn các bên khác	189.731.543.939	179.004.731.379
- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	97.450.259.414	81.474.018.631
- Asiana Airlines Inc	8.514.174.352	2.971.832.871
- Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	7.285.317.798	5.176.197.837
- Jetstar Asia Airways Pte Ltd	5.171.743.951	4.320.646.140
- Emirates Airline	4.863.391.624	2.534.874.076
- Qatar Airways	4.612.542.844	13.562.875.511
- DHT Aviation	4.622.921.057	5.940.120.257
- Air Asia Berhart	4.965.576.039	4.636.028.030
- Turkish Airlines	3.584.488.900	3.563.744.040
- Thai Air Asia	3.682.267.334	3.003.393.866
- Jetstar Airways Pty Ltd	2.984.597.362	-
- Nord Wind	2.884.825.641	1.573.962.878
- Hainan Airlines Holding Company Limited	2.784.162.037	1.479.581.935
- Công Ty TNHH TNT	2.684.102.478	998.637.385
- T'way Air., Ltd	2.217.283.563	893.037.366
- Air Hongkong	2.186.100.800	2.262.915.240
- Tiger Airways Singapore Pte. Ltd	1.917.600.433	3.750.201.770
- Air Busan	1.634.635.626	1.019.531.385
- Jin Air	1.632.566.930	1.868.990.033
- Llc "Ikar" Airlines	1.670.453.956	4.370.114.823
- Hong Kong Dragon Airlines Ltd	1.469.066.207	847.078.072
- Thai Lion Mentari Company Limited	1.441.321.518	1.182.611.214
- Malindo Air	1.309.787.049	2.505.716.026
- Nok Airlines Public Company Limited	1.290.924.938	1.345.755.084
- Các khách hàng khác	16.871.432.088	27.722.866.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>189.771.181.369</u></b>	<b><u>179.004.731.379</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(8.434.703.966)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>189.771.181.369</u></b>	<b><u>170.570.027.413</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	356.000.000	225.600.000
Tạm ứng nhân viên	321.690.350	895.002.585
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	316.009.534	473.722.468
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	306.129.000	-
Trả hộ tiền thai sản	242.337.471	-
Lãi dự thu	47.361.111	90.083.333
Các khoản khác	88.240.756	124.446.624
<b>Dài hạn</b>		
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	20.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.677.768.222</b>	<b>22.408.855.010</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(20.600.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1.677.768.222</b>	<b>1.808.855.010</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	5.851.867.924	5.539.757.570
Công cụ, dụng cụ	112.130.000	59.460.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.963.997.924</b>	<b>5.599.217.570</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>311.527.603</b>	<b>300.975.192</b>
Tiền thuê mặt bằng	170.476.000	-
Phí cước Metrowan	51.398.873	153.127.204
Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	50.216.329	93.914.192
Phần mềm mail server	10.846.851	32.661.069
Khác	28.589.550	21.272.727
<b>Dài hạn</b>	<b>659.562.525</b>	<b>731.488.165</b>
Đường truyền cáp quang	459.543.564	554.621.544
Bản quyền phần mềm Kaspersky	61.018.605	84.269.911
Dịch vụ hỗ trợ trọn gói 3 năm thiết bị cisco	64.774.998	77.730.000
Chi phí tần số vô tuyến điện	71.225.358	14.866.710
Khác	3.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>971.090.128</b>	<b>1.032.463.357</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	28.579.661.612	9.458.400.805	325.600.192.754	12.154.283.523	375.792.538.694
Mua mới	-	764.380.455	105.571.311.356	989.968.000	107.325.659.811
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>28.579.661.612</u>	<u>10.222.781.260</u>	<u>431.171.504.110</u>	<u>13.144.251.523</u>	<u>483.118.198.505</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.706.859.380)	(5.426.166.484)	(141.474.337.556)	(8.829.550.598)	(157.436.914.018)
Khấu hao trong kỳ	(573.747.522)	(827.040.426)	(25.563.940.074)	(802.561.730)	(27.767.289.752)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(2.280.606.902)</u>	<u>(6.253.206.910)</u>	<u>(167.038.277.630)</u>	<u>(9.632.112.328)</u>	<u>(185.204.203.770)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>26.872.802.232</u>	<u>4.032.234.321</u>	<u>184.125.855.198</u>	<u>3.324.732.925</u>	<u>218.355.624.676</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>26.299.054.710</u>	<u>3.969.574.350</u>	<u>264.133.226.480</u>	<u>3.512.139.195</u>	<u>297.913.994.735</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	38.834.280.104	39.877.567.115
Phải trả cho các bên khác	13.170.861.836	12.108.156.909
- Công ty Cổ phần Avintech	3.039.014.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	2.614.468.553	-
- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Hàng không Việt Nam	2.272.673.200	2.243.439.110
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu An Tâm	2.107.590.502	-
- Các nhà cung cấp khác	3.137.115.581	9.864.717.799
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.005.141.940</b>	<b>51.985.724.024</b>

**11. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại CN Cam Ranh	-	181.570.354	-	181.570.354
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Cam Ranh	-	92.283.918		92.283.918
Thuế GTGT tại VP Hồ Chí Minh	39.446	-	-	39.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.446</b>	<b>273.854.272</b>	<b>-</b>	<b>273.893.718</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.115.773.233	31.615.320.568	(24.996.670.089)	15.734.423.712
Thuế TNDN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	5.909.254.426	24.255.365.110	(18.088.368.510)	12.076.251.026
Thuế TNDN tại CN Cam Ranh	3.206.518.807	1.782.772	(3.208.301.579)	-
Thuế TNDN tại công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	-	7.358.172.686	(3.700.000.000)	3.658.172.686
Thuế TNCN	2.139.550.542	15.255.648.624	(17.193.587.876)	201.611.290
Thuế GTGT	35.098.079	2.922.897.676	(2.882.370.144)	75.625.611
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Thuế khác	-	982.293	(982.293)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.290.421.854</b>	<b>49.799.849.161</b>	<b>(45.078.610.402)</b>	<b>16.011.660.613</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đồng phục nhân viên	3.477.376.000	-
Chi phí nghỉ mát	2.333.000.000	-
Bồi dưỡng độc hại	1.297.597.885	-
Chi phí sử dụng Sita	542.460.000	842.460.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	159.000.000	159.000.000
Chi phí hội nghị	-	854.934.306
Khác	317.355.000	1.260.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.126.788.885</b>	<b>1.857.654.306</b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>73.522.873.798</b>	<b>2.514.496.097</b>
Cổ tức phải trả năm 2016	69.937.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.533.453.345	1.147.296.333
Hoa hồng bán vé thu hộ	1.277.656.655	866.395.322
Các phải trả khác	774.763.798	500.804.442
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ	9.117.246.000	8.369.754.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>82.640.119.798</b>	<b>10.884.250.397</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	140.508.000.000	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	83.868.930.365	83.868.930.365
Tăng vốn từ lợi nhuận	56.165.160.000	-	-	(56.165.160.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi 2015 và tạm trích 2016	-	-	-	(1.504.525.000)	(1.504.525.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>196.673.160.000</u>	<u>(133.000.000)</u>	<u>7.139.777.265</u>	<u>83.018.538.120</u>	<u>286.698.475.385</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	138.484.031.386	352.094.488.651
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	113.471.498.199	113.471.498.199
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(229.800.000)	-	-	(229.800.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 14/03/2017	-	-	-	47.004.892.958	(47.004.892.958)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	(7.592.528.805)	(7.592.528.805)
Cổ tức còn lại năm 2016 (*)	-	-	-	-	(69.937.000.000)	(69.937.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	-	(12.897.658.841)	(12.897.658.841)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>200.000.000.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(362.800.000)</u>	<u>54.144.670.223</u>	<u>114.523.448.981</u>	<u>374.908.999.204</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành là 3.995.952 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất việc chi trả và phát hành cổ phiếu trên vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng lên thành 239.959.520.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,00%	96.000.310.000	48,00%	96.000.310.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	15,16%	30.315.280.000	15,16%	30.315.280.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng Khác	12,79%	25.572.450.000	12,79%	25.572.450.000
Khác	23,95%	47.909.960.000	24,00%	48.016.960.000
Cổ phiếu quỹ	0,1%	202.000.000	0,05%	95.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>200.000.000.000</b>		<b>200.000.000.000</b>

**14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	200.000.000.000	140.508.000.000
Tăng trong kỳ	-	56.165.160.000
Số cuối kỳ	<u>200.000.000.000</u>	<u>196.673.160.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	69.937.000.000	56.165.160.000

**14.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	20.200	9.500
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	19.979.800	19.990.500

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
Tăng do góp vốn vào công ty con	15.190.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	14.419.346.924
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>29.609.346.924</u>

**14.6 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	113.471.498.199	83.868.930.365
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(801.988.000)	(4.190.737.907)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	112.669.510.199	79.678.192.458
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	<u>23.980.315</u>	<u>23.731.498</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>		
Lãi cơ bản	4.698	3.357
Lãi suy giảm	4.698	3.357

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 7 tháng 6 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*\*) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh vào ngày 11 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu dịch vụ hàng không	530.484.619.729	368.024.600.486
- Phục vụ Mặt đất	495.753.062.150	342.469.498.864
- Dịch vụ kéo đẩy	24.156.183.721	20.112.405.599
- Dịch vụ quây thủ tục	2.611.808.266	5.442.696.023
- Dịch vụ xe chở khách	7.963.565.592	-
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	9.821.886.976	13.964.411.854
- Dịch vụ Sửa chữa, bảo dưỡng	3.429.228.503	2.606.883.546
- Dịch vụ hành lý, hàng hóa	1.523.527.532	1.031.425.579
- Dịch vụ đào tạo	1.248.048.600	814.891.392
- Dịch vụ giặt ủi	1.170.008.814	1.025.428.691
- Dịch vụ VIP	754.833.200	1.293.950.109
- Dịch vụ xe chở khách về khách sạn	-	5.903.287.352
- Khác	1.696.240.327	1.288.545.185
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>540.306.506.705</b>	<b>381.989.012.340</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	3.964.765.962	3.379.751.739
Doanh thu từ bên khác	536.341.740.743	378.609.260.601

**15.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi	536.163.820	576.699.571
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	1.016.033.616	900.355.322
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	113.524.143	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.665.721.579</b>	<b>1.477.054.893</b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	911.086.131	795.018.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	192.369.353
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>911.086.131</b>	<b>987.387.840</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	572.866.264	908.592.955
Chi phí nhân viên	20.904.773.963	10.359.437.884
Chi phí khấu hao	604.683.507	438.748.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.754.485.240	7.428.798.170
Chi phí nhượng quyền khai thác	7.957.298.085	5.513.631.213
Chi phí khác bằng tiền	812.405.362	10.875.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.606.512.421</b>	<b>24.660.083.710</b>

**18. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>164.367.413</b>	<b>81.915.731</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	137.493.357	52.830.000
Khác	26.874.056	29.085.731
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.015.156</b>	<b>88.526.060</b>
Tiền miễn thưởng theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	-	64.500.000
Khác	1.015.156	24.026.060
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b>163.352.257</b>	<b>(6.610.329)</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	12.375.527.414	5.513.631.213
Chi phí nhân viên	188.463.376.894	141.752.067.636
Chi phí khấu hao	27.767.289.752	7.998.878.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.883.966.317	105.897.007.809
Chi phí nhượng quyền khai thác	7.957.298.085	16.171.852.600
Chi phí khác	812.405.362	189.745.633
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>381.259.863.824</b>	<b>277.523.183.650</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.615.320.568	21.030.669.058
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	458.464.896	49.285.991
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.073.785.464</u></b>	<b><u>21.079.955.049</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>159.964.630.586</u></b>	<b><u>104.948.885.414</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.992.926.117	20.989.777.083
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	80.859.347	90.177.966
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>32.073.785.464</u></b>	<b><u>21.079.955.049</u></b>

### 20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**20.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>159.964.630.587</b>	<b>104.948.885.413</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.992.926.117	20.989.777.083
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	80.859.347	90.177.966
Trích trước chi phí Sita	(60.000.001)	-
Trích trước chi phí hội nghị	(436.020.071)	-
Dự phòng cho Transero Airline	-	(49.285.991)
Khác	37.555.176	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>31.615.320.568</b>	<b>21.030.669.058</b>

**20.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Trích trước chi phí Sita	108.491.999	168.492.000	(60.000.001)	-
Trích trước chi phí hội nghị	-	436.020.071	(436.020.071)	-
Dự phòng cho Transero Airline	585.273.263	585.273.263	-	(49.285.991)
Khác	37.555.176	-	37.555.176	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>731.320.438</b>	<b>1.189.785.334</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(458.464.896)</b>	<b>(49.285.991)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập Hội đồng Quản trị (*)	2.628.005.212	1.136.128.302
Thu nhập Ban Kiểm soát (**)	1.079.882.479	448.471.698
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng	<u>14.957.811.151</u>	<u>5.912.680.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.665.698.842</u></b>	<b><u>7.497.280.000</u></b>

(\*) Hội đồng quản trị gồm năm (5) thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách.

(\*\*) Ban Kiểm soát gồm ba (3) thành viên và không có thành viên chuyên trách.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	3.928.731.935	3.108.274.938
		Mua dịch vụ	22.934.747.928	9.708.423.432
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	67.560.891.593	72.435.890.466
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	14.849.455.654	12.493.441.038
Cảng Hàng không Quốc tế Tuy Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	26.068.200	-
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	18.235.987.122	-
		Cung cấp dịch vụ	9.965.827	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	28.675.020	-
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	10.962.410	-
			<b>39.637.430</b>	-
<b><i>Phải trả ngắn hạn người bán</i></b>				
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	25.242.169.465	23.903.479.266
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	5.150.901.850	5.345.572.044
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông	Mua dịch vụ	4.594.701.257	4.242.584.369
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	3.846.507.532	6.385.931.436
			<b>38.834.280.104</b>	<b>39.877.567.115</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	VND				
	<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>CN Đà Nẵng</i>	<i>CN Cam Ranh</i>	<i>CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Doanh thu	326.014.583.503	55.974.428.837	-	-	381.989.012.340
Chi phí	<u>(234.094.354.274)</u>	<u>(43.226.615.918)</u>	<u>(202.213.458)</u>	-	<u>(277.523.183.650)</u>
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b><u>91.920.229.229</u></b>	<b><u>12.747.812.919</u></b>	<b><u>(202.213.458)</u></b>	<b>-</b>	<b><u>104.465.828.690</u></b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.453.708.459	23.265.998	80.436	-	1.477.054.893
Chi phí tài chính	(973.684.833)	(13.703.007)	-	-	(987.387.840)
Thu nhập khác	81.580.290	335.441	-	-	81.915.731
Chi phí khác	<u>(88.526.060)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(88.526.060)</u>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b><u>92.393.307.085</u></b>	<b><u>12.757.711.351</u></b>	<b><u>(202.133.022)</u></b>	<b>-</b>	<b><u>104.948.885.413</u></b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(18.477.426.788)	(2.553.242.270)	-	-	(21.030.669.058)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>(49.285.991)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(49.285.991)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b><u>73.866.594.306</u></b>	<b><u>10.204.469.081</u></b>	<b><u>(202.133.022)</u></b>	<b>-</b>	<b><u>83.868.930.365</u></b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>					
Tài sản bộ phận	473.044.242.803	24.386.690.453	42.795.099.705	-	<u>540.226.032.961</u>
Nợ phải trả bộ phận	140.011.394.491	20.242.151.205	27.877.998.615	-	<u>188.131.544.311</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND				
	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Doanh thu	356.204.606.783	85.518.483.712	-	98.583.416.210	540.306.506.705
Chi phí	<u>(258.043.252.929)</u>	<u>(64.410.487.603)</u>	<u>(10.208.316)</u>	<u>(58.795.914.976)</u>	<u>(381.259.863.824)</u>
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b><u>98.161.353.854</u></b>	<b><u>21.107.996.109</u></b>	<b><u>(10.208.316)</u></b>	<b><u>39.787.501.234</u></b>	<b><u>159.046.642.881</u></b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.432.450.479	66.491.132	29.795.064	136.984.904	1.665.721.579
Chi phí tài chính	(844.059.147)	(47.008.451)	(15.284.505)	(4.734.028)	(911.086.131)
Thu nhập khác	164.172.943	2.750	185.940	5.780	164.367.413
Chi phí khác	<u>(843.680)</u>	<u>(57.945)</u>	<u>(112.736)</u>	<u>(795)</u>	<u>(1.015.156)</u>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b><u>98.913.074.449</u></b>	<b><u>21.127.423.595</u></b>	<b><u>4.375.447</u></b>	<b><u>39.919.757.095</u></b>	<b><u>159.964.630.586</u></b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(20.033.230.358)	(4.222.134.752)	(1.782.772)	(7.358.172.686)	(31.615.320.568)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>(496.020.072)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(496.020.072)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b><u>78.421.379.195</u></b>	<b><u>16.905.288.843</u></b>	<b><u>2.592.675</u></b>	<b><u>32.561.584.409</u></b>	<b><u>127.890.845.122</u></b>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>542.631.346.909</b>	<b>35.457.652.604</b>	<b>2.283.287.012</b>	<b>86.480.417.338</b>	<b><u>666.852.703.863</u></b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>210.106.924.738</b>	<b>26.663.437.285</b>	<b>-</b>	<b>25.563.995.712</b>	<b><u>262.334.357.735</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS, Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 23/HĐ/ACV-SAGS-CXR. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	<u>37.144.783.541</u>	<u>37.144.783.541</u>

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**24.1 Tài sản thuê ngoài**

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tài sản thuê ngoài tại văn phòng	55.743.205.515
Tài sản thuê ngoài tại Chi nhánh Đà Nẵng	86.939.018.380
Tài sản thuê ngoài tại Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	<u>126.851.937.228</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>269.534.161.123</u></b>

**24.2 Ngoại tệ các loại**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</u>	
	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	104.911.316.711	4.621.643,91
Đô la Singapore (SGD)	4.012.092	244,00

**24.3 Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	
Đối tượng	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Cổ phần Hàng không Mekong	5.508.337.650	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	Công ty đã phá sản không có khả năng thu hồi

Trong Quý 1 năm 2017, Công ty thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi của các đối tượng nêu trên theo Quyết định số 190A/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

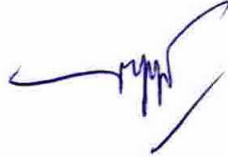
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngoài sự kiện đã trình bày ở thuyết minh số 14.1, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

